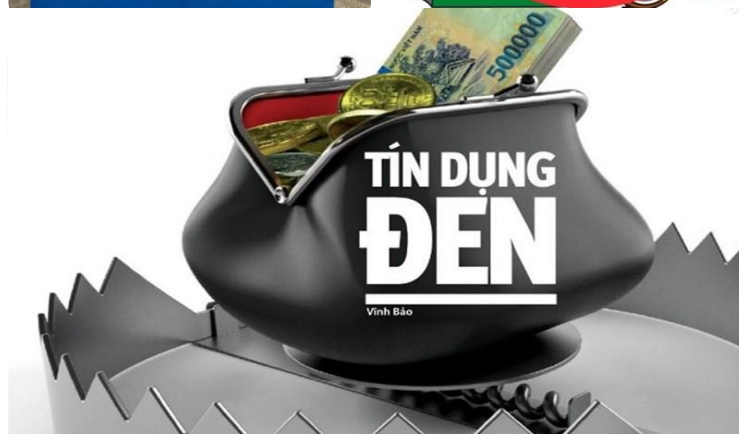


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
SỞ TƯ PHÁP

TÀI LIỆU

**TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC
PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN GIAO THÔNG
VÀ PHÒNG, CHỐNG HOẠT ĐỘNG “TÍN
DỤNG ĐEN”**



Tháng 01/2022

LỜI NÓI ĐẦU

Thực hiện Công văn số 1430/UBND-NC ngày 17/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc tăng cường phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan “tín dụng đen”; Công văn số 1434/UBND-KTN ngày 17/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc bảo đảm TTATGT trong dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Nhâm Dần và Lễ hội xuân 2022 trên địa bàn tỉnh.

*Nhằm phổ biến những văn bản pháp luật về Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019; pháp luật về an toàn giao thông và phòng, chống hoạt động “tín dụng đen” đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân, từ đó góp phần phòng ngừa, nâng cao nhận thức và hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật thường gặp trong dịp lễ, tết; Sở Tư pháp tỉnh An Giang biên soạn **Tài liệu tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông và phòng, chống hoạt động “tín dụng đen”**.*

Nội dung tài liệu gồm 03 chuyên đề:

- Pháp luật về an toàn giao thông.*
- Pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia.*
- Pháp luật về phòng, chống hoạt động “tín dụng đen”.*

Chúng tôi hy vọng đây là cuốn tài liệu bổ ích, trang bị những kiến thức pháp luật cơ bản nhất đến bạn đọc, góp phần truyền tải các nội dung quy định của pháp luật đi vào cuộc sống.

Trong quá trình biên soạn cuốn tài liệu này, mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý bạn đọc để hoàn thiện hơn trong những lần phát hành sau.

Xin trân trọng cảm ơn!

**SỞ TƯ PHÁP
TỈNH AN GIANG**

CHUYÊN ĐỀ 1

PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN GIAO THÔNG

I. HỎI - ĐÁP PHÁP LUẬT

Câu hỏi 1. Nguyên tắc hoạt động giao thông đường bộ được Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định như thế nào?

Đáp:

Theo Điều 4 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định nguyên tắc hoạt động giao thông đường bộ như sau:

“1. Hoạt động giao thông đường bộ phải bảo đảm thông suốt, trật tự, an toàn, hiệu quả; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.

2. Phát triển giao thông đường bộ theo quy hoạch, từng bước hiện đại và đồng bộ; gắn kết phương thức vận tải đường bộ với các phương thức vận tải khác.

3. Quản lý hoạt động giao thông đường bộ được thực hiện thống nhất trên cơ sở phân công, phân cấp trách nhiệm, quyền hạn cụ thể, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành và chính quyền địa phương các cấp.

4. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5. Người tham gia giao thông phải có ý thức tự giác, nghiêm chỉnh chấp hành quy tắc giao thông, giữ gìn an toàn cho mình và cho người khác. Chủ phương tiện và người điều khiển phương tiện phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc bảo đảm an toàn của phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

6. Mọi hành vi vi phạm pháp luật giao thông đường bộ phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật”.

Câu hỏi 2. Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định những hành vi nào bị nghiêm cấm?

Đáp:

Theo Điều 8 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định các hành vi bị nghiêm cấm sau đây:

“1. Phá hoại đường, cầu, hầm, bến phà đường bộ, đèn tín hiệu, cọc tiêu, biển báo hiệu, gương cầu, dải phân cách, hệ thống thoát nước và các công trình, thiết bị khác thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Đào, khoan, xẻ đường trái phép; đặt, để chướng ngại vật trái phép trên đường; đặt, rải vật nhọn, đổ chất gây trơn trên đường; để trái phép vật liệu, phế thải, thải rác ra đường; mở đường, đầu nối trái phép vào đường chính; lấn, chiếm hoặc sử dụng trái phép đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ; tự ý tháo

mở nắp công, tháo dỡ, di chuyển trái phép hoặc làm sai lệch công trình đường bộ.

3. Sử dụng lòng đường, lề đường, hè phố trái phép.

4. Đưa xe cơ giới, xe máy chuyên dùng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

5. Thay đổi tổng thành, linh kiện, phụ kiện xe cơ giới để tạm thời đạt tiêu chuẩn kỹ thuật của xe khi đi kiểm định.

6. Đua xe, cổ vũ đua xe, tổ chức đua xe trái phép, lạng lách, đánh võng.

7. Điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà trong cơ thể có chất ma túy.

8. Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.

9. Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định.

Điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ không có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng.

10. Giao xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cho người không đủ điều kiện để điều khiển xe tham gia giao thông đường bộ.

11. Điều khiển xe cơ giới chạy quá tốc độ quy định, giành đường, vượt ẩu.

12. Bấm còi, rú ga liên tục; bấm còi trong thời gian từ 22 giờ đến 5 giờ, bấm còi hơi, sử dụng đèn chiếu xa trong đô thị và khu đông dân cư, trừ các xe được quyền ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định của Luật này.

13. Lắp đặt, sử dụng còi, đèn không đúng thiết kế của nhà sản xuất đối với từng loại xe cơ giới; sử dụng thiết bị âm thanh gây mất trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng.

14. Vận chuyển hàng cấm lưu thông, vận chuyển trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm, động vật hoang dã.

15. Đe dọa, xúc phạm, tranh giành, lôi kéo hành khách; bắt ép hành khách sử dụng dịch vụ ngoài ý muốn; chuyển tải, xuống khách hoặc các hành vi khác nhằm trốn tránh phát hiện xe chở quá tải, quá số người quy định.

16. Kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định.

17. Bỏ trốn sau khi gây tai nạn để trốn tránh trách nhiệm.

18. Khi có điều kiện mà cố ý không cứu giúp người bị tai nạn giao thông.

19. Xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản của người bị nạn và người gây tai nạn.

20. Lợi dụng việc xảy ra tai nạn giao thông để hành hung, đe dọa, xúi giục, gây sức ép, làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông.

21. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp của bản thân hoặc người khác để vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ.

22. Sản xuất, sử dụng trái phép hoặc mua, bán biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

23. Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ”.

Câu hỏi 3. Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định như thế nào về quy tắc lùi xe khi tham gia giao thông đường bộ?

Đáp:

Điều 16 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định như sau:

- Khi lùi xe, người điều khiển phải quan sát phía sau, có tín hiệu cần thiết và chỉ khi nào thấy không nguy hiểm mới được lùi.

- Không được lùi xe ở khu vực cấm dừng, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường, nơi đường bộ giao nhau, đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, nơi tầm nhìn bị che khuất, trong hầm đường bộ, đường cao tốc.

Câu hỏi 4. Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe gắn máy được chở tối đa hai người trong những trường hợp nào?

Đáp:

Khoản 1 Điều 30 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe gắn máy chỉ được chở một người, trừ những trường hợp sau thì được chở tối đa hai người:

- Chở người bệnh đi cấp cứu;
- Áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật;
- Trẻ em dưới 14 tuổi.

Câu hỏi 5. Theo quy định của pháp luật, người đi bộ phải tuân thủ quy tắc gì khi tham gia giao thông đường bộ?

Đáp:

Điều 32 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định về quy tắc giao thông đường bộ đối với người đi bộ như sau:

“1. Người đi bộ phải đi trên hè phố, lề đường; trường hợp đường không có hè phố, lề đường thì người đi bộ phải đi sát mép đường.

2. Người đi bộ chỉ được qua đường ở những nơi có đèn tín hiệu, có vạch kẻ đường hoặc có cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ và phải tuân thủ tín hiệu chỉ dẫn.

3. Trường hợp không có đèn tín hiệu, không có vạch kẻ đường, cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ thì người đi bộ phải quan sát các xe đang đi tới, chỉ qua đường khi bảo đảm an toàn và chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn khi qua đường.

4. Người đi bộ không được vượt qua dải phân cách, không đu bám vào phương tiện giao thông đang chạy; khi mang vác vật cồng kềnh phải bảo đảm an toàn và không gây trở ngại cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

5. Trẻ em dưới 7 tuổi khi đi qua đường đô thị, đường thường xuyên có xe cơ giới qua lại phải có người lớn dắt; mọi người có trách nhiệm giúp đỡ trẻ em dưới 7 tuổi khi đi qua đường.”

Câu hỏi 6. Theo Luật Giao thông đường bộ năm 2008, người dẫn dắt súc vật đi trên đường bộ phải tuân thủ quy định gì?

Đáp:

Theo Điều 34 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

- Người dẫn dắt súc vật đi trên đường bộ phải cho súc vật đi sát mép đường và bảo đảm vệ sinh trên đường; trường hợp cần cho súc vật đi ngang qua đường thì phải quan sát và chỉ được đi qua đường khi có đủ điều kiện an toàn.
- Không được dẫn dắt súc vật đi vào phần đường dành cho xe cơ giới.

Câu hỏi 7. Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định không được thực hiện các hoạt động nào trên đường bộ?

Đáp:

Khoản 2 Điều 35 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định không được thực hiện các hành vi sau đây:

- Hợ chợ, mua, bán hàng hóa trên đường bộ;
- Tụ tập đông người trái phép trên đường bộ;
- Thả rông súc vật trên đường bộ;
- Phơi thóc, lúa, rom rạ, nông sản hoặc đồ vật khác trên đường bộ;
- Đặt biển quảng cáo trên đất của đường bộ;

- Lắp đặt biển hiệu, biển quảng cáo hoặc thiết bị khác làm giảm sự chú ý, gây nhầm lẫn nội dung biển báo hiệu hoặc gây cản trở người tham gia giao thông;
- Che khuất biển báo hiệu, đèn tín hiệu giao thông;
- Sử dụng bàn trượt, pa-tanh, các thiết bị tương tự trên phần đường xe chạy;
- Hành vi khác gây cản trở giao thông.

Câu hỏi 8. Theo quy định của pháp luật, khi xảy ra tai nạn giao thông, người điều khiển phương tiện và những người liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn có trách nhiệm gì?

Đáp:

Căn cứ Khoản 1 Điều 38 Luật Giao thông đường bộ năm 2008, người điều khiển phương tiện và những người liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn có trách nhiệm sau đây:

- Dừng ngay phương tiện; giữ nguyên hiện trường; cấp cứu người bị nạn và phải có mặt khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu;
- Ở lại nơi xảy ra tai nạn cho đến khi người của cơ quan công an đến, trừ trường hợp người điều khiển phương tiện cũng bị thương phải đưa đi cấp cứu hoặc phải đưa người bị nạn đi cấp cứu hoặc vì lý do bị đe dọa đến tính mạng, nhưng phải đến trình báo ngay với cơ quan công an nơi gần nhất;
- Cung cấp thông tin xác thực về vụ tai nạn cho cơ quan có thẩm quyền.

Câu hỏi 9. Khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông, người lái xe phải mang theo các giấy tờ nào?

Đáp:

Khoản 2 Điều 58 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định về người lái xe khi điều khiển phương tiện phải mang theo các giấy tờ sau:

- Đăng ký xe;
- Giấy phép lái xe đối với người điều khiển xe cơ giới;
- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới;
- Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

Câu hỏi 10. Theo quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, thì độ tuổi và sức khỏe của người lái xe được quy định như thế nào?

Đáp:

Căn cứ Điều 60 của Luật Giao thông đường bộ năm 2008, tuổi và sức khỏe của người lái xe được quy định như sau:

“1. Độ tuổi của người lái xe quy định như sau:

a) Người đủ 16 tuổi trở lên được lái xe gắn máy có dung tích xi-lanh dưới 50 cm³;

b) Người đủ 18 tuổi trở lên được lái xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm³ trở lên và các loại xe có kết cấu tương tự; xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg; xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi;

c) Người đủ 21 tuổi trở lên được lái xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên; lái xe hạng B2 kéo rơ moóc (FB2);

d) Người đủ 24 tuổi trở lên được lái xe ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi; lái xe hạng C kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc (FC);

đ) Người đủ 27 tuổi trở lên được lái xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi; lái xe hạng D kéo rơ moóc (FD);

e) Tuổi tối đa của người lái xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi là 50 tuổi đối với nữ và 55 tuổi đối với nam.

2. Người lái xe phải có sức khỏe phù hợp với loại xe, công dụng của xe. Bộ trưởng Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe của người lái xe.”

Câu hỏi 11. Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) thực hiện hành vi không có báo hiệu xin vượt trước khi vượt thì bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?

Đáp:

Tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi không có báo hiệu xin vượt trước khi vượt.

Câu hỏi 12. Pháp luật quy định như thế nào về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy dừng, đỗ xe tại điểm dừng, đón trả khách của xe buýt?

Đáp:

Điểm g Khoản 4 Điều 18 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Người điều khiển phương tiện không được dừng xe, đỗ xe tại nơi dừng của xe buýt.

Về xử phạt vi phạm hành chính, hành vi dừng, đỗ xe tại điểm dừng, đón trả khách của xe buýt đối với xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy bị phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng (điểm h Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt và điểm k Khoản 34 Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng).

Câu hỏi 13. Cá nhân có hành vi đá bóng, đá cầu, chơi cầu lông hoặc các hoạt động thể thao khác trái phép trên đường bộ; sử dụng bàn trượt, pa-tanh, các thiết bị tương tự trên phần đường xe chạy thì bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?

Đáp:

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi đá bóng, đá cầu, chơi cầu lông hoặc các hoạt động thể thao khác trái phép trên đường bộ; sử dụng bàn trượt, pa-tanh, các thiết bị tương tự trên phần đường xe chạy.

Câu hỏi 14. Chủ xe gắn máy có hành vi giao xe cho người chưa đủ 16 tuổi điều khiển xe tham gia giao thông thì bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?

Đáp:

Đối với chủ xe mô tô, xe gắn máy và các loại xe tương tự xe mô tô thực hiện hành vi giao xe cho người không đủ điều kiện về độ tuổi (trong trường hợp này là người dưới 16 tuổi) điều khiển, căn cứ vào điểm đ Khoản 5 Điều 30 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ sẽ bị phạt tiền từ 800.000 đồng đến 2.000.000 đồng (đối với cá nhân) và bị phạt tiền từ 1.600.000 đồng đến 4.000.000 đồng (đối với tổ chức).

Câu hỏi 15. Hành vi đua xe trái phép và cổ vũ đua xe trái phép bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?

Đáp:

Tùy theo tính chất và mức độ của vi phạm, người thực hiện hành vi đua xe trái phép và cố vũ đua xe trái phép có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Cụ thể như sau:

*** Về xử phạt vi phạm hành chính**

Căn cứ Điều 34 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (được sửa đổi bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng) quy định:

“1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Tụ tập để cố vũ, kích động hành vi điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định, lạng lách, đánh võng, đuôi nhau trên đường hoặc đua xe trái phép;

b) Đua xe đạp, đua xe đạp máy, đua xe xích lô, đua xe súc vật kéo, cưỡi súc vật chạy đua trái phép trên đường giao thông.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với người đua xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện trái phép.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với người đua xe ô tô trái phép.

4. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này bị tịch thu phương tiện (trừ súc vật kéo, cưỡi);

b) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 05 tháng và tịch thu phương tiện.”

*** Về truy cứu trách nhiệm hình sự**

Hành vi đua xe trái phép có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 266 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cụ thể:

“1. Người nào đua trái phép xe ô tô, xe máy hoặc các loại xe khác có gắn động cơ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc Điều 265 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được

xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

b) Gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Làm chết người;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

đ) Bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn;

e) Tham gia cá cược;

g) Chống lại người có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông hoặc người có trách nhiệm giải tán cuộc đua xe trái phép;

h) Tại nơi tập trung đông dân cư;

i) Tháo dỡ thiết bị an toàn khỏi phương tiện đua;

k) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Làm chết 02 người;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;

c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Làm chết 03 người trở lên;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;

c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

II. TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT

Tình huống 1. Do xe máy bị hư nên chị Thu xin quá giang anh Tuấn (sống gần xóm nhà chị) một đoạn đường để về nhà. Đến đôi diện nhà, chị Thu nhờ anh Tuấn dừng lại để mình tự đi sang đường. Tuy nhiên, vì muốn tiết kiệm thời gian, chị Thu trực tiếp trèo qua dải phân cách và băng qua đường mặc dù đường có nhiều phương tiện giao thông đang di chuyển. Hành vi vượt qua dải phân cách của chị Thu có vi phạm pháp luật không? Nếu có sẽ bị xử phạt như thế nào?

Trả lời:

Dải phân cách là bộ phận của đường để phân chia mặt đường thành hai chiều xe chạy riêng biệt hoặc để phân chia phần đường của xe cơ giới và xe thô sơ. Dải phân cách gồm loại cố định và loại di động (Khoản 10 Điều 3 Luật Giao thông đường bộ năm 2008).

Khoản 4 Điều 32 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

“Người đi bộ không được vượt qua dải phân cách, không đu bám vào phương tiện giao thông đang chạy; khi mang vác vật cồng kềnh phải bảo đảm an toàn và không gây trở ngại cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ.”

Theo quy định trên, hành vi trèo qua dải phân cách của chị Thu là hành vi vi phạm pháp luật giao thông đường bộ và sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo điểm a Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Cụ thể, hành vi “Không đi đúng phần đường quy định, vượt qua dải phân cách, đi qua đường không đúng nơi quy định hoặc không đảm bảo an toàn” sẽ bị phạt tiền từ 60.000 đồng đến 100.000 đồng.

Vì vậy, để phòng ngừa tai nạn giao thông, đảm bảo an toàn cho chính bản thân cũng như những người tham gia giao thông khác, mỗi người dân khi tham gia giao thông cần nâng cao ý thức chấp hành Luật Giao thông đường bộ.

Tình huống 2. Năm 2017, chị Tú mua 01 chiếc xe máy hiệu Vision màu trắng. Chạy được vài năm, do thấy xe đã cũ và nghe thầy bói nói tuổi chị năm nay hợp màu đỏ nên chị Tú quyết định sơn lại màu xe. Hành vi thay đổi màu xe của chị Tú có vi phạm pháp luật không?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 55 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: “Chủ phương tiện không được tự thay đổi kết cấu, tổng thành, hệ thống của xe không đúng với thiết kế của nhà chế tạo hoặc thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm

quyền phê duyệt”. Theo đó, chủ phương tiện không được sơn lại màu sơn khác với thiết kế của nhà chế tạo đã được có quan có thẩm quyền phê duyệt.

Vì vậy, việc tự ý thay đổi màu sơn xe của anh Tú là vi phạm quy định của pháp luật.

Tùy vào mức độ thay đổi nhiều hay ít, chủ thể là cá nhân hay tổ chức mà mức phạt đối với từng hành vi là khác nhau. Mức phạt được quy định tại Khoản 1, Khoản 16 Điều 30 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (được sửa đổi bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng) như sau:

- Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân, từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe mô tô, xe gắn máy và các loại xe tương tự xe mô tô thực hiện hành vi tự ý thay đổi nhãn hiệu, màu sơn của xe không đúng với Giấy đăng ký xe.

- Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt trên, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả là: buộc phải khôi phục lại nhãn hiệu, màu sơn ghi trong Giấy đăng ký xe.

Do đó, khi có nhu cầu thay đổi màu sơn xe, chủ xe phải thực hiện các thủ tục đổi lại Giấy chứng nhận đăng ký xe theo quy định của pháp luật. Cụ thể, Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 của Bộ Công an quy định một trong những trách nhiệm của chủ xe: “Đưa xe đến cơ quan đăng ký xe để kiểm tra đối với xe đăng ký lần đầu, xe đăng ký sang tên, xe cải tạo, xe thay đổi màu sơn. Trước khi cải tạo xe, thay đổi màu sơn (kể cả kẻ vẽ, quảng cáo), chủ xe phải khai báo trên trang thông tin điện tử của Cục Cảnh sát giao thông tại mục khai báo cải tạo xe, thay đổi màu sơn hoặc trực tiếp đến cơ quan đăng ký xe và được xác nhận của cơ quan đăng ký xe thì mới thực hiện; làm thủ tục đổi lại Giấy chứng nhận đăng ký xe khi xe đã được cải tạo hoặc khi thay đổi địa chỉ của chủ xe.”.

Tình huống 3. Khi anh Hòa đang chạy xe máy đến ngã tư đường thì gặp đèn đỏ. Do cần rẽ phải nên theo thói quen, anh Hòa bật đèn xi nhan phải và chạy tiếp. Tuy nhiên, vừa chạy qua chỗ rẽ, anh Hòa bị Cảnh sát giao thông yêu cầu dừng xe vì lỗi không chấp hành tín hiệu đèn và bị xử phạt vi phạm hành chính. Anh Hòa thắc mắc việc Cảnh sát giao thông xử phạt đối với hành vi trên có đúng quy định hay không?

Trả lời:

Tại khoản 3 Điều 10 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định tín hiệu đèn giao thông có ba màu:

- Tín hiệu xanh là được đi;
- Tín hiệu đỏ là cấm đi;
- Tín hiệu vàng là phải dừng lại trước vạch dừng, trừ trường hợp đã đi quá vạch dừng thì được đi tiếp; trong trường hợp tín hiệu vàng nhấp nháy là được đi nhưng phải giảm tốc độ, chú ý quan sát, nhường đường cho người đi bộ qua đường.

Bên cạnh đó, Điều 11 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

“1. Người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh và chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ.

2. Khi có người điều khiển giao thông thì người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông.

3. Tại nơi có biển báo hiệu cố định lại có báo hiệu tạm thời thì người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh của báo hiệu tạm thời.

...”

Như vậy, trong trường hợp đèn đỏ bật sáng, anh Hòa phải dừng lại trước vạch dừng. Trường hợp có biển phụ hoặc đèn phụ báo được phép rẽ phải thì anh Hòa được phép rẽ phải hoặc nếu có người điều khiển giao thông thì anh Hòa phải chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông.

Trong trường hợp trên, nếu không có biển báo hiệu được phép rẽ phải thì việc Cảnh sát giao thông xử phạt vi phạm hành chính về lỗi không chấp hành tín hiệu đèn của anh Hòa là hoàn toàn đúng. Theo đó, căn cứ điểm e Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (được sửa đổi bởi điểm g Khoản 34 Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng), mức phạt đối với người điều khiển xe không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông là phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

Tình huống 4. Anh Hoàng mới đi dự đám cưới người bạn học về. Do chúc mừng bạn nên trong buổi tiệc anh có dùng một chút bia. Trên đường chạy xe máy về nhà, anh bị Cảnh sát giao thông ra hiệu lệnh dừng phương tiện và kiểm tra nồng độ cồn. Kết quả, trong hơi thở của anh có nồng độ nhưng chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở. Vậy, hành vi điều khiển xe

máy mà trong hơi thở có nồng độ cồn chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở của anh Hoàng có vi phạm pháp luật không?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 35 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 sửa đổi Khoản 8 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 về một trong các hành vi bị nghiêm cấm như sau:

“Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn”.

Theo quy định trên, hành vi điều khiển xe máy mà trong hơi thở có nồng độ cồn (kể cả trong trường hợp chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở) của anh Hoàng đã vi phạm quy định của pháp luật.

Về xử phạt vi phạm hành chính, căn cứ điểm c Khoản 6 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau: bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 10 tháng đến 12 tháng.

Vì vậy, hành vi của anh Hoàng sẽ bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng và bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 10 tháng đến 12 tháng.

Tình huống 5. Vào dịp Tết nguyên đán, đơn vị chức năng đã tiến hành kiểm tra và xử lý vi phạm đối với một xe chở khách do anh Phát điều khiển đi tuyến thành phố H về huyện Y (độ dài tuyến đường là 310 km) vì chở quá số người quy định. Theo thiết kế đăng kiểm, xe được phép chở 30 người nhưng khi lực lượng chức năng kiểm tra thì số lượng người chở quá là 10 người. Hành vi trên của anh Phát sẽ bị xử phạt như thế nào?

Trả lời:

Hành vi chở quá người cho phép đối với người điều khiển ô tô được quy định tại Khoản 4, Điều 23 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (được sửa đổi bởi điểm o Khoản 34 Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều

của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng) như sau:

“Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng trên mỗi người vượt quá quy định được phép chở của phương tiện nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 75.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô chở hành khách chạy tuyến có cự ly lớn hơn 300 km thực hiện hành vi vi phạm: Chở quá từ 02 người trở lên trên xe đến 9 chỗ, chở quá từ 03 người trở lên trên xe 10 chỗ đến xe 15 chỗ, chở quá từ 04 người trở lên trên xe 16 chỗ đến xe 30 chỗ, chở quá từ 05 người trở lên trên xe trên 30 chỗ.”

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung: bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng (trường hợp vượt trên 50% đến 100% số người quy định được phép chở của phương tiện); bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 05 tháng (trường hợp vượt trên 100% số người quy định được phép chở của phương tiện).

Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, để khắc phục hậu quả, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm còn bị buộc phải bố trí phương tiện khác để chở số hành khách vượt quá quy định được phép chở của phương tiện.

Như vậy, nếu là ô tô chở vượt 01 người so với quy định đã có thể bị phạt từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/người vượt. Trong trường hợp chở vượt quá 10 người trên xe, anh Phát có thể sẽ bị phạt từ 10.000.000 đến 20.000.000 đồng. Đồng thời, anh Phát phải bố trí phương tiện khác để chở số hành khách vượt quá quy định được phép chở của phương tiện.

Tình huống 6. Chiều cuối tuần, trên đường về quê, ngang đoạn đường ít người qua lại, anh Lâm phát hiện một người bị tai nạn giao thông. Anh Lâm chạy xe chậm lại và quan sát, thấy người bị tai nạn không bị thương nặng nhưng dường như không thể đứng lên được và đang tìm kiếm sự giúp đỡ của những người xung quanh. Vì lo sợ đường về còn xa, trời tối khó đi, phần vì sợ người khác giả dạng bị tai nạn để lừa đảo, anh Lâm quyết định không dừng lại để giúp đỡ. Tuy nhiên, sau khi về đến nhà, anh Lâm cảm thấy áy náy nên muốn biết việc không giúp đỡ người bị tai nạn giao thông trên có vi phạm pháp luật không?

Trả lời:

Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 38 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định như sau:

“2. Những người có mặt tại nơi xảy ra vụ tai nạn có trách nhiệm sau đây:

+ *Bảo vệ hiện trường;*

- + *Giúp đỡ, cứu chữa kịp thời người bị nạn;*
- + *Báo tin ngay cho cơ quan công an, y tế hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất;*
- + *Bảo vệ tài sản của người bị nạn;*
- + *Cung cấp thông tin xác thực về vụ tai nạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.*

3. *Người điều khiển phương tiện khác khi đi qua nơi xảy ra vụ tai nạn có trách nhiệm chở người bị nạn đi cấp cứu. Các xe được quyền ưu tiên, xe chở người được hưởng quyền ưu đãi.”*

Bên cạnh đó, theo khoản 18 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định hành vi “Khi có điều kiện mà cố ý không cứu giúp người bị tai nạn giao thông” là một trong những hành vi bị nghiêm cấm.

Từ những quy định trên, hành vi thấy người bị tai nạn giao thông rồi bỏ đi mà không giúp đỡ khi có yêu cầu là vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ.

Mức phạt đối với hành vi không giúp đỡ người bị tai nạn khi có yêu cầu được quy định tại điểm a khoản 7 Điều 11 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt như sau:

Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi không cứu giúp người bị tai nạn giao thông khi có yêu cầu.

Ngoài ra, nếu đủ các dấu hiệu cấu thành tội phạm thì hành vi trên cũng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tình huống 7. Cuối tuần, chị Hà mượn xe đạp điện của con gái để đi chợ. Chị thường thấy con đội mũ bảo hiểm khi chạy xe đi học nhưng chị nghĩ mình đi xe này cũng giống như xe đạp bình thường nên không cần đội mũ bảo hiểm. Trong trường hợp này, hành vi của chị Hà đi xe đạp điện không đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông đường bộ có vi phạm pháp luật không? Nếu có sẽ bị xử phạt như thế nào?

Trả lời:

Xe đạp máy là xe thô sơ hai bánh có lắp động cơ, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 25 km/h và khi tắt máy thì đạp xe đi được (kể cả xe đạp điện) (Điểm e, Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt).

Bên cạnh đó, theo Khoản 2 Điều 31 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 thì người điều khiển, người ngồi trên xe đạp máy phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách.

Căn cứ các quy định trên, xe đạp điện cũng thuộc các đối tượng quy định cần đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách. Hành vi người tham gia giao thông không tuân thủ đúng quy định có thể bị xử phạt vi phạm hành chính. Cụ thể, điểm đ Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng) quy định phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với hành vi “Người điều khiển xe đạp máy (kể cả xe đạp điện) không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ;”

Như vậy, hành vi của người điều khiển xe đạp máy (kể cả xe đạp điện) vi phạm quy tắc giao thông đường bộ như trên sẽ bị phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng.

Tình huống 8. Mỗi buổi chiều, anh Chiến (25 tuổi) thường dạy em trai là Hoàng (16 tuổi) chạy xe máy trên tuyến đường vành đai núi - nơi ít người qua lại. Một ngày nọ, được bạn rủ đi chơi, nên anh Chiến giao xe máy cho em trai tự đi tập. Do mới biết chạy nên Hoàng đã lái xe gây tai nạn giao thông và làm 01 người bị thương với tỷ lệ tổn thương là 65%. Trong trường hợp này, hành vi giao xe cho người không có giấy phép lái xe điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác của anh Chiến có vi phạm pháp luật không? Nếu có, anh Chiến bị áp dụng mức hình phạt như thế nào?

Trả lời:

Anh Chiến phạm tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo điểm b khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Theo đó, “*Người nào giao cho người mà biết rõ người đó không có giấy phép lái xe hoặc đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:*

a) *Làm chết người;*

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

...”

Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ là hành vi của người là chủ sở hữu, người quản lý phương tiện tham gia giao thông đường bộ. Người chủ sở hữu xe đã giao cho người không có giấy phép lái xe trong khi biết rõ người đó không có giấy phép lái xe hoặc đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ thì hành vi đó, cụ thể trong trường hợp này là anh Chiến có thể sẽ bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng hoặc bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

Tình huống 9. Anh Hậu có chiếc xe tải chuyên chở hàng thuê. Trong một lần chở thuê cát, sỏi cho công trình xây dựng, do không che chắn cẩn thận nên trong quá trình điều khiển xe vận chuyển từ nơi tập kết cát, sỏi đến công trường xây dựng, anh Hậu đã làm rơi vãi cát, sỏi ra môi trường. Hành vi nêu trên của anh Hậu bị xử phạt như thế nào?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ) quy định: “*Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển phương tiện vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa không che chắn hoặc để rơi vãi ra môi trường trong khi tham gia giao thông.*”

Căn cứ quy định nêu trên, do anh Hậu có hành vi điều khiển phương tiện vận chuyển chứa cát, sỏi, do không che chắn cẩn thận nên trong quá trình vận chuyển đã làm rơi vãi cát, sỏi ra môi trường trong khi tham gia giao thông nên anh Hậu sẽ bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng. Ngoài ra, căn cứ điểm c khoản 13 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, hành vi nêu trên của anh Hậu còn có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Tình huống 10. Ông Tài có thể chấp xe ô tô của mình để vay vốn kinh doanh, do đó phải giao bản gốc Giấy đăng ký xe cho Ngân hàng giữ. Tuy nhiên, Luật giao thông đường bộ năm 2008 cũng có quy định, người lái xe khi điều khiển phương tiện phải mang theo đăng ký xe. Xin hỏi, trong

trường hợp này, ông Tài được sử dụng giấy tờ gì thay cho Giấy đăng ký xe?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ như sau: “...*Bên bảo đảm được dùng bản sao Giấy chứng nhận và bản chính văn bản xác nhận còn hiệu lực của bên nhận bảo đảm về việc giữ bản chính Giấy chứng nhận để sử dụng hoặc lưu hành tài sản.*”

Khoản 13 Điều 80 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định: “Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông được sử dụng bản sao chứng thực Giấy đăng ký xe (đối với phương tiện tham gia giao thông đường bộ), bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt (đối với phương tiện tham gia giao thông đường sắt) kèm bản gốc Giấy biên nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực, thay cho bản chính Giấy đăng ký xe, Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt trong thời gian tổ chức tín dụng giữ bản chính Giấy đăng ký xe, Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt.”

Như vậy, ông Tài có thể sử dụng bản sao chứng thực Giấy đăng ký xe và Giấy biên nhận còn hiệu lực của Ngân hàng về việc giữ bản chính Giấy đăng ký xe để sử dụng khi lưu thông phương tiện giao thông.

Tình huống 11. Đang điều khiển xe gắn máy, nghe có điện thoại trong túi reo, anh Hùng lấy điện thoại di động ra vừa nghe vừa điều khiển xe trên đường. Cho hỏi hành vi của anh Hùng bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?

Trả lời:

Điểm c Khoản 3 Điều 30 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy không được sử dụng ô, điện thoại di động, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính.

Căn cứ quy định trên, hành vi sử dụng điện thoại di động khi đang điều khiển xe gắn máy của anh Hùng là hành vi vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ.

Về xử phạt vi phạm hành chính, điểm h khoản 4 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng) quy định như sau: Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với

người điều khiển xe sử dụng ô (dù), điện thoại di động, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính.

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau:

+ Thực hiện hành vi vi phạm trên thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 1 tháng đến 3 tháng.

+ Thực hiện hành vi vi phạm trên mà gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng.

Như vậy, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm của anh Hùng sẽ bị xử lý tương ứng theo quy định của Điều này.

Tình huống 12. Anh Dũng điều khiển xe mô tô va quẹt với xe chị Hồng đang trên đường đi chợ về, sau tình huống va chạm chị Hồng té xuống đường tuy không bị thương nặng nhưng tay và chân của chị bị trầy xước, chảy máu, thấy không có ai xung quanh, anh Dũng đã lên xe bỏ đi. Xin cho hỏi hành vi gây tai nạn giao thông nhưng không dừng lại và lên xe bỏ trốn của anh Dũng sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ theo điểm đ khoản 8 và điểm d Khoản 10 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

- Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi gây tai nạn giao thông không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn.

- Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau: bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 05 tháng.

Do đó, hành vi gây tai nạn giao thông nhưng không dừng lại và lên xe bỏ trốn của anh Dũng sẽ bị phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng, đồng thời anh bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 05 tháng.

Tình huống 13. Tại thôn quê, do cuộc sống khó khăn, chị Tư đã dùng xe tự chế làm xe đẩy quày hàng bán đồ ăn trên đường. Xin cho hỏi hành vi dùng xe đẩy làm quày hàng lưu động trên đường, gây cản trở giao thông của chị Tư sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ tại điểm m khoản 1 Điều 8 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

“Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi dùng xe đẩy làm quây hàng lưu động trên đường, gây cản trở giao thông.”

Do đó, hành vi của chị Tư trong trường hợp trên sẽ bị phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng.

Tình huống 14. Anh Khải uống rượu say nên trên đường đi làm về đã gây ra tai nạn giao thông làm trọng thương một người đi bộ sang đường; sau đó gia đình anh Khải đã gặp gỡ gia đình người bị nạn và đã thực hiện việc bồi thường đầy đủ các chi phí cho họ, gia đình người bị hại cũng có đơn xin không xử lý hình sự đối với anh Khải. Trong trường hợp này, anh Khải có phải chịu trách nhiệm hình sự nữa không ?

Trả lời:

Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định như sau:

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

- a) Làm chết người;*
- b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;*
- c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;*
- d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

- a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;*
- b) Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác;*
- c) Bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn;*

d) Không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển hoặc hướng dẫn giao thông;

đ) Làm chết 02 người;

e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;

g) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Làm chết 03 người trở lên;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;

c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

4. Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”.

Đối chiếu với quy định ở trên, việc anh Khải khi gây tai nạn trong tình trạng say rượu là tình tiết định khung hình phạt quy định tại Khoản 2 của Điều luật nói trên. Mặc dù người gây tai nạn đã bồi thường thiệt hại về vật chất nhưng theo quy định của pháp luật, người đó vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã gây ra. Việc người gây án đã chủ động bồi thường thiệt hại cho gia đình nạn nhân sẽ là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đặc biệt khi vụ án được đưa ra xét xử.

Tình huống 15. Sau khi kết thúc vụ đông xuân, chị Giang định đem lúa ra sân phơi khô để kịp đem vào trong nhà bảo quản. Tuy nhiên do số lượng lớn, nên nếu chỉ phơi trong nhà thì sẽ mất rất nhiều thời gian. Được một số người mách, con đường liên huyện buổi tối ít người qua lại, mặt đường lại rộng rất tiện cho việc phơi lúa, chị liền đem lúa ra ngoài đường phơi. Sau khi đem ra phơi được một ngày, chị bị công an xã gọi lên lập biên bản xử phạt vì hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ. Hành vi của chị Giang sẽ bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 35, Điều 36 Luật Giao thông đường bộ năm 2008: Lòng đường và hè phố chỉ được sử dụng cho mục đích giao thông. Trong một số trường hợp vẫn cho phép tổ chức một số hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội trên đường bộ. Trường hợp đặc biệt, việc sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố vào mục đích khác phải do UBND cấp tỉnh quy định nhưng không được làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông. Đặc biệt, nghiêm cấm các hành vi sau:

- Hợp chợ, mua, bán hàng hóa trên đường bộ;
- Tụ tập đông người trái phép trên đường bộ;
- Thả rông súc vật trên đường bộ;
- Phoi thóc, lúa, rom rạ, nông sản hoặc đồ vật khác trên đường bộ;
- Đặt biển quảng cáo trên đất của đường bộ;
- Lắp đặt biển hiệu, biển quảng cáo hoặc thiết bị khác làm giảm sự chú ý, gây nhầm lẫn nội dung biển báo hiệu hoặc gây cản trở người tham gia giao thông;
- Che khuất biển báo hiệu, đèn tín hiệu giao thông;
- Sử dụng bàn trượt, pa-tanh, các thiết bị tương tự trên phần đường xe chạy;
- Hành vi khác gây cản trở giao thông.

Việc chi Giang phoi lúa trên đường tiềm ẩn nguy cơ tai nạn rất cao. Tùy vào mức độ nguy hiểm và hậu quả gây ra thì có thể xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Về mức xử phạt đối với hành vi trên, căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt như sau:

“1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân, từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

...

b) Phoi thóc, lúa, rom, rạ, nông, lâm, hải sản trên đường bộ; đặt máy tuốt lúa trên đường bộ.”

Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả là buộc phải thu dọn thóc, lúa, rom, rạ, nông, lâm, hải sản, thiết bị trên đường bộ.

Trường hợp vi phạm mà gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác thì người vi phạm có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về Tội cản trở giao thông đường bộ tại Điều 261 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cụ thể như sau:

“1. Người nào đào, khoan, xẻ, san lấp trái phép công trình giao thông đường bộ; đặt, để, đổ trái phép vật liệu, phế thải, rác thải, vật sắc nhọn, chất gây trơn hoặc chướng ngại vật khác gây cản trở giao thông đường bộ; tháo dỡ, di chuyển trái phép, làm sai lệch, che khuất hoặc phá hủy biển báo hiệu, đèn tín hiệu, cọc tiêu, gương cầu, dải phân cách hoặc thiết bị an toàn giao thông đường bộ khác; mở đường giao cắt trái phép qua đường bộ, đường có dải phân cách; sử dụng trái phép lề đường, hè phố, phần đường xe chạy, hành lang an toàn đường bộ hoặc vi phạm quy định về bảo đảm an toàn giao thông khi thi công trên đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Làm chết người;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Tại đèo, dốc, đường cao tốc hoặc đoạn đường nguy hiểm;

b) Làm chết 02 người;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Làm chết 03 người trở lên;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;

c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

4. Cản trở giao thông đường bộ trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm.”.

Tình huống 16. Anh An có một cửa hàng ăn nằm trên mặt đường lớn, nhiều người qua lại. Do lượng khách ra vào quán đông, quán lại không có chỗ gửi xe, anh An quyết định lấy 12 m² hè phố trước cửa quán làm nơi để xe cho khách. Vậy theo quy định của pháp luật, hành vi này của anh An có vi phạm các quy định về trật tự an toàn giao thông hay không? Được biết việc để xe của quán anh An chưa được các cấp có thẩm quyền cho phép.

Trả lời:

Hành vi chiếm dụng 12 m² hè phố làm nơi trông, giữ xe của anh An mà chưa được các cấp có thẩm quyền cho phép là hành vi vi phạm quy định về trật tự an toàn giao thông được quy định tại Khoản 7 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Cụ thể:

“Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 12.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi chiếm dụng lòng đường đô thị hoặc hè phố từ 10 m² đến dưới 20 m² làm nơi trông, giữ xe.”

Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả là khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra (điểm d Khoản 10 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP).

Tình huống 17. Vào dịp Tết Nguyên đán chị Giao cùng chồng đem cây cảnh nhà trồng lên ngã ba đường tỉnh lộ gần nhà bán. Chồng chị Giao nảy ra sáng kiến làm giá để cây theo tầng để đặt cây lên cao cho người đi đường nhìn thấy gian hàng của anh chị từ đằng xa. Tuy nhiên, giá đỡ cây cảnh quá cao đã che khuất biển báo giao thông cấm dừng đỗ xe ở ngã ba đường. Hành vi của hai vợ chồng chị Giao có vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ không?

Trả lời:

Điều 36 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Lòng đường và hè phố chỉ được sử dụng cho mục đích giao thông. Trong một số trường hợp vẫn cho phép tổ chức một số hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội trên đường bộ. Trường hợp đặc biệt, việc sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè

phổ vào mục đích khác phải do UBND cấp tỉnh quy định nhưng không được làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông.

Ngoài ra, hành vi “Che khuất biển báo hiệu, đèn tín hiệu giao thông” là một trong các hành vi bị nghiêm cấm theo Điều này.

Căn cứ Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định:

“Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với cá nhân, từ 400.000 đồng đến 800.000 đồng đối với tổ chức để vật che khuất biển báo, đèn tín hiệu giao thông.”

Như vậy, theo quy định trên, hành vi để cây cảnh che khuất biển báo giao thông của vợ chồng chị Giao đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ và có thể bị phạt từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng (đối với cá nhân), từ 400.000 đồng đến 800.000 đồng (đối với tổ chức).

Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả là: buộc phải phá dỡ các vật che khuất biển báo hiệu đường bộ, đèn tín hiệu giao thông (điểm a Khoản 12 Điều 11 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP và điểm s Khoản 34 Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ).

CHUYÊN ĐỀ 2

PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG TÁC HẠI CỦA RƯỢU, BIA

I. HỎI - ĐÁP PHÁP LUẬT

Câu hỏi 1. Rượu là gì? Bia là gì? Tác hại của rượu bia như thế nào?

Đáp:

Căn cứ theo khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 2 của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định:

“1. Rượu là đồ uống có cồn thực phẩm, được sản xuất từ quá trình lên men từ một hoặc hỗn hợp của các loại nguyên liệu chủ yếu gồm tinh bột của ngũ cốc, dịch đường của cây, hoa, củ, quả hoặc là đồ uống được pha chế từ cồn thực phẩm.

2. Bia là đồ uống có cồn thực phẩm, được sản xuất từ quá trình lên men từ hỗn hợp của các loại nguyên liệu chủ yếu gồm mạch nha (malt), đại mạch, nấm men bia, hoa bia (hoa houblon), nước.

...

5. Tác hại của rượu, bia là ảnh hưởng, tác động có hại của rượu, bia đối với sức khỏe con người, gia đình, cộng đồng, an toàn giao thông, trật tự, an toàn xã hội, kinh tế và các vấn đề xã hội khác.”

Câu hỏi 2. Chính sách của Nhà nước trong công tác phòng, chống tác hại của rượu, bia như thế nào?

Đáp:

Để bảo đảm cho hoạt động quản lý nhà nước trong phòng, chống tác hại của rượu, bia đạt hiệu quả, Điều 3 của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định về chính sách của Nhà nước như sau:

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống tác hại của rượu, bia.
- Ưu tiên hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông; giảm tính sẵn có, dễ tiếp cận của rượu, bia; giảm tác hại của rượu, bia; tăng cường quản lý sản xuất rượu thủ công; thực hiện các biện pháp phòng, chống tác hại của rượu, bia đối với trẻ em, học sinh, sinh viên, thanh niên, phụ nữ mang thai.
- Bảo đảm nguồn lực cho công tác phòng, chống tác hại của rượu, bia; chú trọng các hoạt động phòng, chống tác hại của rượu, bia của y tế cơ sở và ở cộng đồng; huy động xã hội hóa các hoạt động phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Khuyến khích nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới nhằm giảm tác hại của rượu, bia.
- Khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong phòng, chống tác hại của rượu, bia.

Câu hỏi 3. Pháp luật quy định như thế nào về quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức trong phòng, chống tác hại của rượu, bia?

Đáp:

Điều 4 của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định cá nhân, tổ chức có quyền và nghĩa vụ như sau:

- Được sống trong môi trường không chịu ảnh hưởng bởi tác hại của rượu, bia.
- Được cung cấp thông tin phù hợp, chính xác, khách quan, khoa học, đầy đủ về rượu, bia, nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng và tác hại của rượu, bia.
- Phản ánh, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia; tố cáo việc cơ quan, người có thẩm quyền không xử lý hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia.
- Tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia.

Câu hỏi 4. Pháp luật quy định những hành vi nào bị nghiêm cấm trong phòng, chống tác hại của rượu, bia?

Đáp:

Điều 5 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống tác hại của rượu, bia, gồm:

- Xúi giục, kích động, lôi kéo, ép buộc người khác uống rượu, bia.
- Người chưa đủ 18 tuổi uống rượu, bia.
- Bán, cung cấp, khuyến mại rượu, bia cho người chưa đủ 18 tuổi.
- Sử dụng lao động là người chưa đủ 18 tuổi trực tiếp tham gia vào việc sản xuất, mua bán rượu, bia.
- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, tổ chức, sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ, người làm việc trong lực lượng vũ trang nhân dân, học sinh, sinh viên uống rượu, bia ngay trước, trong giờ làm việc, học tập và nghỉ giữa giờ làm việc, học tập.
- Điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.
- Quảng cáo rượu có độ cồn từ 15 độ trở lên.

- Cung cấp thông tin không chính xác, sai sự thật về ảnh hưởng của rượu, bia đối với sức khỏe.
- Khuyến mại trong hoạt động kinh doanh rượu, bia có độ cồn từ 15 độ trở lên; sử dụng rượu, bia có độ cồn từ 15 độ trở lên để khuyến mại dưới mọi hình thức.
- Sử dụng nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến không được phép dùng trong thực phẩm; nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm không bảo đảm chất lượng và không rõ nguồn gốc, xuất xứ để sản xuất, pha chế rượu, bia.
- Kinh doanh rượu không có giấy phép hoặc không đăng ký; bán rượu, bia bằng máy bán hàng tự động.
- Kinh doanh, tàng trữ, vận chuyển rượu, bia giả, nhập lậu, không bảo đảm chất lượng, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, nhập lậu rượu, bia.
- Các hành vi bị nghiêm cấm khác liên quan đến rượu, bia do luật định.

Câu hỏi 5. Theo quy định Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019, gia đình có vai trò như thế nào đối với công tác phòng, chống tác hại của rượu, bia?

Đáp:

Điều 34 Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định gia đình có trách nhiệm như sau:

“1. Giáo dục, giám sát, nhắc nhở thành viên chưa đủ 18 tuổi không uống rượu, bia, các thành viên khác trong gia đình hạn chế uống rượu, bia; động viên, giúp đỡ người nghiện rượu, bia trong gia đình cai nghiện rượu, bia.

2. Hướng dẫn các thành viên trong gia đình kỹ năng từ chối uống rượu, bia; kỹ năng nhận biết, ứng xử, xử trí khi gặp người say rượu, bia, người nghiện rượu, bia và thực hiện các biện pháp phòng, chống tác hại của rượu, bia.

3. Tham gia với các cơ quan, tổ chức và cộng đồng thực hiện phòng, chống tác hại của rượu, bia.”

Thực tế cho thấy, gia đình có vai trò rất quan trọng trong việc hình thành nhân cách của mỗi thành viên trong gia đình, trong đó có văn hóa uống rượu, bia. Vì vậy, để phát huy tối đa vai trò của gia đình trong phòng ngừa tác hại của rượu bia thì việc giáo dục, nhắc nhở, giám sát, xây dựng văn hóa ứng xử với rượu, bia cần được mỗi gia đình quan tâm.

Câu hỏi 6. Pháp luật quy định như thế nào về mục đích, yêu cầu của việc thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống tác hại của rượu, bia?

Đáp:

Điều 6 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống tác hại của rượu, bia cần bảo đảm các mục đích, yêu cầu sau:

Về mục đích, hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, định hướng hành vi, thay đổi thói quen có hại để phòng, chống tác hại của rượu, bia đối với sức khỏe con người, gia đình, cộng đồng, an toàn giao thông, trật tự, an toàn xã hội, kinh tế và các vấn đề xã hội khác.

Việc thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống tác hại của rượu, bia phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- Chính xác, khách quan và khoa học;
- Thường xuyên; phù hợp, dễ tiếp cận và hiệu quả đối với từng đối tượng, trình độ, lứa tuổi, giới tính; phù hợp với truyền thống, văn hóa, bản sắc dân tộc, tôn giáo và phong tục tập quán; chú trọng đối với học sinh, sinh viên, thanh niên, phụ nữ mang thai và cá nhân, tổ chức, hộ gia đình sản xuất rượu thủ công.

Câu hỏi 7. Hãy cho biết nội dung thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống tác hại của rượu, bia?

Đáp:

Điều 7 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định nội dung thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống tác hại của rượu, bia, gồm:

- Chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tác hại của rượu, bia; các hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống tác hại của rượu, bia; các chế tài xử phạt và vận động cá nhân, tổ chức tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Quyền, nghĩa vụ của cá nhân và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cộng đồng trong phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Tác hại của rượu, bia; tác hại của rượu, bia giả, không bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm; các mức độ nguy cơ khi uống rượu, bia; các biện pháp giảm tác hại của rượu, bia.

- Bệnh, tình trạng sức khỏe, đối tượng không nên uống rượu, bia; độ tuổi không được uống rượu, bia.

- Kỹ năng từ chối uống rượu, bia; kỹ năng nhận biết và ứng xử, xử trí khi gặp người say rượu, bia, người nghiện rượu, bia.

- Vận động hạn chế uống rượu, bia và không điều khiển phương tiện giao thông, vận hành máy móc sau khi uống rượu, bia.

- Hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân sản xuất rượu thủ công bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

- Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân sản xuất rượu thủ công làm thủ tục cấp giấy phép sản xuất, đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã việc bán rượu cho cơ sở có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại, kê khai việc sản xuất rượu thủ công không nhằm mục đích kinh doanh.

Câu hỏi 8. Để giảm tác hại của rượu, bia, nhằm phòng ngừa tai nạn giao thông, Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định biện pháp gì?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 21 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019, các biện pháp phòng ngừa tai nạn giao thông liên quan đến sử dụng rượu, bia gồm có:

- Người điều khiển phương tiện giao thông không uống rượu, bia trước và trong khi tham gia giao thông.

- Người đứng đầu cơ sở kinh doanh vận tải, chủ phương tiện giao thông vận tải có trách nhiệm chủ động thực hiện biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn người điều khiển phương tiện vận tải uống rượu, bia ngay trước và trong khi tham gia giao thông.

- Cơ quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm kiểm tra nồng độ cồn trong máu, hơi thở của người điều khiển phương tiện giao thông đang tham gia giao thông hoặc gây ra tai nạn giao thông.

- Tổ chức đào tạo về phòng, chống tác hại của rượu, bia trong chương trình đào tạo cấp bằng, chứng chỉ, giấy phép điều khiển phương tiện giao thông thuộc phạm vi quản lý.

Câu hỏi 9. Pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của cơ sở kinh doanh rượu, bia nhằm giúp cho giới trẻ nâng cao hiểu biết, chấp hành đúng các quy định về phòng, chống tác hại của rượu, bia?

Trả lời:

Trách nhiệm của cơ sở kinh doanh rượu, bia được quy định cụ thể tại Điều 32 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019, cụ thể như sau:

- Tuân thủ quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh rượu, bia; về quảng cáo, khuyến mại, tài trợ, an toàn thực phẩm, chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, ghi nhãn hàng hóa đối với rượu, bia. Thông tin về sản phẩm rượu, bia phải bảo đảm chính xác, khoa học.

- Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về hoạt động kinh doanh của cơ sở theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Không sử dụng lao động là người chưa đủ 18 tuổi trực tiếp tham gia vào việc kinh doanh, quảng cáo rượu, bia.

- Thu hồi và xử lý rượu, bia không bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm do cơ sở mình sản xuất, mua bán theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

- Cơ sở bán rượu, bia phải niêm yết thông báo không bán rượu, bia cho người chưa đủ 18 tuổi. Trường hợp nghi ngờ về độ tuổi của người mua rượu, bia thì người bán có quyền yêu cầu người mua xuất trình giấy tờ chứng minh.

- Cơ sở bán rượu, bia tiêu dùng tại chỗ nhắc nhở và có hình thức thông tin phù hợp đối với khách hàng về việc không điều khiển phương tiện giao thông, hỗ trợ khách hàng thuê, sử dụng phương tiện giao thông công cộng sau khi uống rượu, bia.

- Kể từ ngày Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia có hiệu lực, không được mở mới điểm bán rượu, bia để tiêu dùng tại chỗ trong bán kính 100 m tính từ khuôn viên của cơ sở y tế, nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông.

Câu hỏi 10. Nồng độ cồn trong máu đến mức nào thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật?

Trả lời:

Điều 21 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định người điều khiển phương tiện giao thông không uống rượu, bia trước và trong khi tham gia giao thông. Đây là biện pháp phòng ngừa tai nạn giao thông liên quan đến sử dụng rượu, bia. Do đó khi người điều khiển phương tiện giao thông sử dụng rượu, bia mà có nồng độ cồn trong máu đến mức quy định sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính.

Nhằm xử lý nghiêm hơn các hành vi sử dụng rượu, bia khi điều khiển phương tiện giao thông, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP được Chính phủ ban hành vào ngày 30/12/2019 đã quy định tăng mức xử phạt đối với hành vi sử dụng rượu, bia khi tham gia giao thông cũng như điều chỉnh nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở. Theo đó nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở được chia theo 03 mức để xử phạt vi phạm, mức 1 chưa vượt quá 50mg/100 ml máu hoặc 0,25mg/01 lít khí thở; mức 2 vượt quá 50mg đến 80mg/100 ml máu hoặc quá 0,25mg đến 0,4mg/01 lít khí thở; mức 3 vượt quá 80mg/100 ml máu hoặc vượt quá 0,4mg/01 lít khí thở. Tương ứng với các mức nồng độ cồn trong máu từ nhỏ đến lớn sẽ có các mức xử phạt vi phạm từ thấp đến cao.

II. TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT

Tình huống 1. Anh Danh là chủ cơ sở sản xuất rượu. Vừa qua, cháu X (17 tuổi) là con một người bạn đã mất của anh Danh có đến xin được làm việc tại cơ sở. Cho hỏi, anh Danh có được nhận cháu X vào làm không?

Trả lời:

Điều 5 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định các hành vi bị nghiêm cấm sau:

1. Xúi giục, kích động, lôi kéo, ép buộc người khác uống rượu, bia.
2. Người chưa đủ 18 tuổi uống rượu, bia.
3. Bán, cung cấp, khuyến mại rượu, bia cho người chưa đủ 18 tuổi.
4. Sử dụng lao động là người chưa đủ 18 tuổi trực tiếp tham gia vào việc sản xuất, mua bán rượu, bia.
5. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, tổ chức, sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ, người làm việc trong lực lượng vũ trang nhân dân, học sinh, sinh viên uống rượu, bia ngay trước, trong giờ làm việc, học tập và nghỉ giữa giờ làm việc, học tập.
6. Điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.
7. Quảng cáo rượu có độ cồn từ 15 độ trở lên.
8. Cung cấp thông tin không chính xác, sai sự thật về ảnh hưởng của rượu, bia đối với sức khỏe.
9. Khuyến mại trong hoạt động kinh doanh rượu, bia có độ cồn từ 15 độ trở lên; sử dụng rượu, bia có độ cồn từ 15 độ trở lên để khuyến mại dưới mọi hình thức.
10. Sử dụng nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến không được phép dùng trong thực phẩm; nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm không bảo đảm chất lượng và không rõ nguồn gốc, xuất xứ để sản xuất, pha chế rượu, bia.
11. Kinh doanh rượu không có giấy phép hoặc không đăng ký; bán rượu, bia bằng máy bán hàng tự động.
12. Kinh doanh, tàng trữ, vận chuyển rượu, bia giả, nhập lậu, không bảo đảm chất lượng, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, nhập lậu rượu, bia.
13. Các hành vi bị nghiêm cấm khác liên quan đến rượu, bia do luật định.”

Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều này, hành vi “Sử dụng lao động là người chưa đủ 18 tuổi trực tiếp tham gia vào việc sản xuất, mua bán rượu, bia” thuộc trường hợp bị nghiêm cấm.

Như vậy, cháu X mới 17 tuổi nên anh Danh không được nhận cháu vào làm để trực tiếp tham gia vào việc sản xuất, mua bán rượu, bia (Khoản 4 Điều 5 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019).

Tình huống 2. Vợ chồng anh Minh đang có kế hoạch nấu rượu bán kết hợp với chăn nuôi, nhưng anh Minh không biết điều kiện để được sản xuất rượu như thế nào. Xin cho hỏi, anh Minh phải làm thủ tục gì để được sản xuất rượu?

Trả lời:

Rượu thuộc nhóm hàng hóa mà Nhà nước hạn chế sản xuất, kinh doanh, sử dụng. Mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh rượu phải có giấy phép, trừ trường hợp sản xuất rượu thủ công tự tiêu dùng. Tùy theo nồng độ cồn của rượu sản xuất mà cơ sở sản xuất phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 15 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia. Đối với trường hợp của vợ chồng anh Minh, pháp luật quy định như sau:

“2. Điều kiện cấp phép sản xuất rượu thủ công có độ cồn từ 5,5 độ trở lên nhằm mục đích kinh doanh, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, bao gồm:

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

3. Điều kiện đối với hộ gia đình, cá nhân sản xuất rượu thủ công có độ cồn từ 5,5 độ trở lên bán cho cơ sở có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại bao gồm:

a) Có hợp đồng mua bán với cơ sở có giấy phép sản xuất rượu và có đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở sản xuất;

b) Bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật”.

Đối chiếu với các quy định trên và căn cứ mục đích sản xuất rượu của gia đình thì vợ chồng anh Minh phải làm các thủ tục cần thiết để xin cấp phép sản xuất rượu đúng theo quy định.

Tình huống 3. Gia đình ông Châu Rin là trưởng họ nên thường xuyên tổ chức các buổi giỗ họ, cúng giỗ ông, bà tổ tiên, họp họ, gặp mặt con cháu và đều tổ chức ăn uống liên hoan, có uống rượu. Để tiết kiệm chi phí và tránh mua phải rượu giả, rượu kém chất lượng, gia đình ông Rin dự định

tự nấu rượu để phục vụ các buổi ăn uống này. Xin hỏi, việc nấu rượu của ông Rin có phải xin phép cơ quan chức năng không?

Trả lời:

Theo quy định tại điều 17 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019, việc hộ gia đình, cá nhân sản xuất rượu thủ công không nhằm mục đích kinh doanh (như để dùng trong gia đình, dòng họ, để tặng cho...) thì không phải xin phép cơ quan chức năng.

Tuy nhiên, cá nhân, hộ gia đình đó phải tuân thủ theo quy định pháp luật như sau:

“1. Hộ gia đình, cá nhân sản xuất rượu thủ công không nhằm mục đích kinh doanh phải có bản kê khai gửi Ủy ban nhân dân cấp xã về lượng rượu được sản xuất, phạm vi sử dụng, cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm và không bán rượu ra thị trường theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định. Việc kê khai không phải nộp phí, lệ phí.

2. Ủy ban nhân dân các cấp hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm; báo cáo sản lượng và tình hình bảo đảm an toàn thực phẩm đối với sản xuất rượu thủ công không nhằm mục đích kinh doanh trên địa bàn”.

Tình huống 4. Thời gian vừa qua báo, đài đưa tin các cơ quan chức năng phát hiện nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh rượu, bia giả, nhập lậu không rõ nguồn gốc xuất xứ, không bảo đảm chất lượng. Xin hỏi pháp luật có quy định gì để phòng ngừa và xử lý các hành vi này?

Trả lời:

Để phòng ngừa và xử lý rượu, bia giả, không bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm; rượu, bia nhập lậu, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, Điều 20 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định như sau:

“1. Rượu, bia giả, không bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm và rượu, bia nhập lậu, không rõ nguồn gốc, xuất xứ đều bị tịch thu, xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp, tham gia với cơ quan có thẩm quyền trong phòng, chống rượu, bia giả, không bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm và rượu, bia nhập lậu, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.

3. Bộ Công Thương, Bộ Y tế, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, hướng dẫn việc bổ sung chất chỉ thị màu vào các sản phẩm cồn không

dùng trong thực phẩm để phân biệt với cồn thực phẩm và phòng ngừa pha chế rượu từ sản phẩm cồn không được phép dùng trong thực phẩm”.

Tình huống 5. Gần đây, báo chí thường đưa tin các vụ tai nạn giao thông thảm khốc do lái xe sử dụng rượu, bia. Xin hỏi Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định như thế nào để phòng ngừa, hạn chế tai nạn giao thông liên quan đến sử dụng rượu, bia?

Trả lời:

Điều 21 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định về phòng ngừa tai nạn giao thông liên quan đến sử dụng rượu, bia như sau:

“1. Người điều khiển phương tiện giao thông không uống rượu, bia trước và trong khi tham gia giao thông.

2. Người đứng đầu cơ sở kinh doanh vận tải, chủ phương tiện giao thông vận tải có trách nhiệm chủ động thực hiện biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn người điều khiển phương tiện vận tải uống rượu, bia ngay trước và trong khi tham gia giao thông.

3. Cơ quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm kiểm tra nồng độ cồn trong máu, hơi thở của người điều khiển phương tiện giao thông đang tham gia giao thông hoặc gây ra tai nạn giao thông.

4. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm xây dựng nội dung và tổ chức việc đào tạo về phòng, chống tác hại của rượu, bia trong chương trình đào tạo cấp bằng, chứng chỉ, giấy phép điều khiển phương tiện giao thông thuộc phạm vi quản lý.”

Như vậy, các quy định trên truyền tải thông điệp “Đã uống rượu, bia thì không lái xe”.

Tình huống 6. Như đã biết, rượu, bia đều chứa chất cồn và xếp vào nhóm chất gây ung thư, có tác động tiêu cực đến sức khỏe con người. Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định các biện pháp gì để phòng ngừa, can thiệp và giảm tác hại của việc uống rượu, bia đối với sức khỏe?

Trả lời:

Theo khoản 1 Điều 22 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định:

“1. Các biện pháp phòng ngừa, can thiệp và giảm tác hại của việc uống rượu, bia đối với sức khỏe bao gồm:

a) Tư vấn về phòng, chống tác hại của rượu, bia cho người đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế;

b) Sàng lọc, phát hiện sớm yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe của người uống rượu, bia; người mắc bệnh, rối loạn chức năng do uống rượu, bia; người nghiện rượu, bia;

c) Can thiệp giảm tác hại cho người có yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe, phụ nữ mang thai có hội chứng hoặc nguy cơ ngộ độc rượu ở thai nhi; phòng, chống nghiện và tái nghiện rượu, bia;

d) Chẩn đoán, điều trị, phục hồi chức năng cho người mắc bệnh, rối loạn chức năng có liên quan đến uống rượu, bia.”

Tình huống 7. Trong một buổi tuyên truyền tại xã A, anh Hữu là Trưởng ấp và đồng thời là tuyên truyền viên của xã A, anh muốn biết các đối tượng nào cần được tập trung tư vấn về phòng, chống tác hại của rượu, bia để anh mời tham dự?

Trả lời:

Căn cứ theo khoản 2 Điều 23 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019, các đối tượng cần được tập trung tư vấn về phòng, chống tác hại của rượu, bia được quy định gồm:

- Người thường xuyên uống rượu, bia.
- Người nghiện rượu, bia.
- Thành viên gia đình có người thường xuyên uống rượu, bia, người nghiện rượu, bia.
- Trẻ em, học sinh, sinh viên, thanh niên, phụ nữ mang thai.
- Người bị ảnh hưởng bởi tác hại của rượu, bia.

Tình huống 8. Trong buổi tập huấn về công tác phòng, chống tác hại của rượu, bia, anh Tuấn muốn biết cụ thể về phòng ngừa tác hại của rượu, bia tại cộng đồng để từ đó, anh truyền đạt lại cho địa phương mình. Vậy cho hỏi, theo quy định Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 thì các biện pháp đó là gì?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 24 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019, 05 nhóm biện pháp phòng ngừa tác hại của rượu, bia tại cộng đồng gồm:

- Tuyên truyền, vận động các gia đình, thành viên thuộc tổ chức, cộng đồng tham gia tuyên truyền và thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Lồng ghép hoạt động phòng, chống tác hại của rượu, bia vào các phong trào, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, xây dựng đời sống văn hóa và hoạt động khác tại cộng đồng.

- Vận động, khuyến khích quy định trong hương ước, quy ước việc hạn chế hoặc không uống rượu, bia tại đám cưới, đám tang, lễ hội trên địa bàn dân cư.

- Vận động cá nhân, tổ chức không sử dụng sản phẩm rượu, bia không rõ nguồn gốc, xuất xứ, chưa được kiểm nghiệm an toàn thực phẩm.

- Phát hiện, phản ánh người say rượu, bia, người nghiện rượu, bia để cảnh báo, phòng ngừa, xử lý hành vi gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội.

Tình huống 9. Trong nhiều trường hợp, phụ nữ và trẻ em trở thành nạn nhân của rượu, bia. Xin hỏi, Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định các biện pháp chăm sóc, hỗ trợ, bảo vệ trẻ em, phụ nữ và các đối tượng yếu thế khác để phòng ngừa, giảm tác hại của rượu, bia như thế nào?

Trả lời:

Điều 25 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định 02 nhóm biện pháp chăm sóc, hỗ trợ, bảo vệ trẻ em, phụ nữ và các đối tượng yếu thế khác để phòng ngừa, giảm tác hại của rượu, bia bao gồm:

- Tư vấn cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang cho con bú về tác hại của rượu, bia đối với thai nhi, trẻ em; cho người bị ảnh hưởng bởi tác hại của rượu, bia khi sử dụng dịch vụ tại cơ sở y tế, cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực gia đình.

- Can thiệp, hỗ trợ, áp dụng biện pháp can thiệp tức, bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình đối với trẻ em, phụ nữ và các đối tượng yếu thế khác để không bị ảnh hưởng bởi tác hại của rượu, bia.

Ngoài ra Điều luật còn quy định “các biện pháp ngăn chặn theo quy định của pháp luật”.

Các biện pháp trên phải được lồng ghép trong chương trình, kế hoạch, hoạt động có liên quan đến trẻ em, phụ nữ và các đối tượng yếu thế khác.

Tình huống 10. Theo quy định Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định cấm bán rượu cho người chưa đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, em Hậu 17 tuổi, đi mua rượu tại tiệm tạp hóa của chị Tuyết và chị Tuyết đã bán rượu cho em Hậu. Vậy xin hỏi, hành vi của chị Tuyết bán rượu cho em Hậu dù biết em này chưa đủ 18 tuổi, sẽ bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia năm 2019, nghiêm cấm hành vi: “Bán, cung cấp, khuyến mại rượu, bia cho người chưa đủ 18 tuổi.”.

Ngoài ra, Điều 28 Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định:

“1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền được sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện, xử lý kịp thời hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia.

3. Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong phòng, chống tác hại của rượu, bia.”

Vì vậy, hành vi của chị Tuyết bán rượu cho em Hậu dù biết em này chưa đủ 18 tuổi là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế. Theo đó, phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng (đối với cá nhân) hoặc 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng (đối với tổ chức) khi vi phạm quy định về bán, cung cấp rượu, bia cho người chưa đủ 18 tuổi.

Tình huống 11. Anh Hòa mới mở quán bán bia hơi. Trước cửa quán treo băng rôn với nội dung “Có bán bia tươi” kèm hình ảnh chai bia và cốc bia. Tuần trước, lực lượng chức năng của xã xuống nhắc nhở và đề nghị rằng nếu muốn quảng cáo bán bia phải ghi thêm dòng chữ “uống rượu bia có thể gây tai nạn giao thông” trên băng rôn. Anh Hòa băn khoăn đó có phải là yêu cầu bắt buộc hay không?

Trả lời:

Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia quy định khi quảng cáo rượu có độ cồn dưới 15 độ và bia phải có cảnh báo để phòng, chống tác hại của rượu, bia. Việc cảnh báo phải tuân thủ các quy định về nội dung, hình ảnh, sản phẩm quảng cáo..... Theo đó, đối với việc quảng cáo tại địa điểm kinh doanh rượu, bia phải bảo đảm có một trong các nội dung cảnh báo: “uống rượu, bia có thể gây tai nạn giao thông”, “uống rượu, bia có thể ảnh hưởng đến sức khỏe thai nhi”, “người dưới 18 tuổi không được uống rượu, bia”. Nội dung cảnh báo nêu trên bằng chữ viết bảo đảm rõ nét, dễ nhìn.

Như vậy, việc cán bộ xã yêu cầu chủ quán ghi thêm dòng chữ “uống rượu bia có thể gây tai nạn giao thông” trên băng rôn quảng cáo rượu bia là đúng quy định của pháp luật.

Tình huống 12. Công ty bia rượu, nước giải khát X vừa ra mắt một loại rượu mới có độ cồn dưới 5,5 độ. Để giới thiệu sản phẩm này trong giới trẻ, công ty muốn thực hiện quảng cáo tại một trại hè dành cho học sinh, tuy nhiên, việc này đã vấp phải sự phản đối của cha mẹ học sinh. Việc quảng cáo của công ty X là đúng hay sai? Trong trường hợp công ty X vẫn tiếp tục thực hiện việc quảng cáo này thì sẽ bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ Điều 12 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019, quản lý việc quảng cáo rượu, bia có độ cồn dưới 5,5 độ được quy định như sau:

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện quảng cáo rượu, bia phải tuân thủ các quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật về quảng cáo.

2. Quảng cáo không thể hiện các nội dung sau đây:

a) Có thông tin, hình ảnh nhằm khuyến khích uống rượu, bia; thông tin rượu, bia có tác dụng tạo sự trưởng thành, thành đạt, thân thiện, hấp dẫn về giới tính; hướng đến trẻ em, học sinh, sinh viên, thanh niên, phụ nữ mang thai;

b) Sử dụng vật dụng, hình ảnh, biểu tượng, âm nhạc, nhân vật trong phim, nhãn hiệu sản phẩm dành cho trẻ em, học sinh, sinh viên; sử dụng người chưa đủ 18 tuổi hoặc hình ảnh của người chưa đủ 18 tuổi trong quảng cáo rượu, bia.

3. Không thực hiện quảng cáo trên các phương tiện quảng cáo trong trường hợp sau đây:

a) Sự kiện, phương tiện quảng cáo, sản phẩm dành cho người chưa đủ 18 tuổi, học sinh, sinh viên, thanh niên, phụ nữ mang thai;

b) Phương tiện giao thông;

c) Báo nói, báo hình ngay trước, trong và ngay sau chương trình dành cho trẻ em; trong thời gian từ 18 giờ đến 21 giờ hằng ngày, trừ trường hợp quảng cáo có sẵn trong các chương trình thể thao mua bán quyền tiếp sóng trực tiếp từ nước ngoài và trường hợp khác theo quy định của Chính phủ;

d) Phương tiện quảng cáo ngoài trời vi phạm quy định về kích thước, khoảng cách đặt phương tiện quảng cáo tính từ khuôn viên của cơ sở giáo dục, cơ sở, khu vực chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành cho người chưa đủ 18 tuổi.

4. Quảng cáo phải có cảnh báo đề phòng, chống tác hại của rượu, bia.

5. Quảng cáo trên báo điện tử, trang thông tin điện tử, phương tiện điện tử, thiết bị đầu cuối và thiết bị viễn thông khác phải có hệ thống công nghệ chặn lọc, phần mềm kiểm soát tuổi của người truy cập để ngăn ngừa người chưa đủ 18 tuổi tiếp cận, truy cập, tìm kiếm thông tin về rượu, bia.

6. Chính phủ quy định chi tiết điểm d khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

Như vậy, theo khoản 3, Điều 12 việc quảng cáo của công ty X tại sự kiện dành cho học sinh như vậy là trái với quy định của Luật.

Trong trường hợp công ty X vẫn tiếp tục thực hiện việc quảng cáo loại rượu mới có độ cồn dưới 5,5 độ tại một trại hè dành cho học sinh thì sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế. Cụ thể:

“2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi quảng cáo rượu có độ cồn dưới 15 độ và quảng cáo bia sau đây:

...

c) Quảng cáo trong các sự kiện, trên các phương tiện quảng cáo, sản phẩm dành cho người chưa đủ 18 tuổi, học sinh, sinh viên, thanh niên, phụ nữ mang thai;

...”

Mức phạt tiền trên là mức phạt tiền đối với cá nhân. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân (Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP).

Căn cứ các quy định trên, công ty X có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng trong trường hợp tiếp tục thực hiện việc quảng cáo rượu, bia trong các sự kiện dành cho học sinh. Ngoài ra, công ty X còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là: buộc thu hồi, gỡ quảng cáo để loại bỏ yếu tố vi phạm đối với hành vi này (Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP).

CHUYÊN ĐỀ 3

PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG HOẠT ĐỘNG “TÍN DỤNG ĐEN”

Phần I

TUYÊN TRUYỀN PHỔ BIẾN VỀ MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC, THỦ ĐOẠN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN BẰNG HÌNH THỨC SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ CAO VÀ NÊU MỘT SỐ VỤ ĐIỂN HÌNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

Trên cơ sở Thông báo số 5071/TB-CAT-PC02 ngày 19/12/2021 của Công an tỉnh An Giang về việc thông báo về phương thức, thủ đoạn của đối tượng sử dụng công nghệ cao để lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nhằm nâng cao ý thức cảnh giác, chủ động phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm này, Sở Tư pháp triển khai tuyên truyền, phổ biến tài liệu pháp luật về một số phương thức, thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức sử dụng công nghệ như sau:

1. Đối tượng sử dụng các ứng dụng trên mạng internet, mạng viễn thông, sử dụng sim số điện thoại khuyến mãi không đăng ký chính chủ, ẩn danh hoặc các số điện thoại ảo; dùng phần mềm giả danh số điện thoại của Cơ quan công an gọi điện giả danh là nhân viên bưu điện, ngân hàng, nhân viên điện lực liên hệ thông báo chủ thuê bao đang nợ cước viễn thông, nợ ngân hàng quá hạn, nợ tiền điện; hoặc giả danh cán bộ Công an, Viện kiểm sát các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giả mạo cổng thông tin điện tử Bộ Công an..., sau khi bắt chuyện đối tượng thông báo chủ thuê bao có liên quan đến các vụ án ma túy, rửa tiền đang bị điều tra, yêu cầu bị hại kết bạn Zalo, Viber và gửi hình ảnh lệnh bắt tạm giam của cơ quan pháp luật cho bị hại xem. Sau đó yêu cầu bị hại khai báo thông tin cá nhân, tài khoản ngân hàng hoặc yêu cầu bị hại mở tài khoản mới và nộp tiền vào, trong vòng 24 giờ hoặc 01 tuần lễ để xác minh bị hại không liên quan đến vụ án thì trả lại tiền và bọn chúng yêu cầu bị hại đăng nhập các phần mềm do bọn chúng thiết kế, khi bị hại tải về máy mình, phần mềm yêu cầu cung cấp thông tin tài khoản, mã OTP...hoặc yêu cầu bị hại trực tiếp chuyển tiền vào tài khoản do đối tượng cung cấp, rồi chiếm đoạt.

*** Vụ việc điển hình như:**

- Ngày 22/10/2021, đối tượng sử dụng số điện thoại 00804913381880 (đầu số 008 là đầu số ảo) gọi vào số điện thoại của anh Nguyễn V. B, ngụ tại phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, xưng danh là nhân viên Tổng đài của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, hỏi thông tin tên họ địa chỉ cá nhân, sau đó thông báo cho anh B biết đang còn nợ tiền điện trên 60 triệu đồng và Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã gửi đến Cơ quan điều tra thụ lý giải quyết, đối tượng cho số điện thoại 0692342593 để anh B tra cứu tin là số điện thoại của ngành Công an, nhưng sau đó đối tượng sử dụng số điện thoại 00784.069234593, nói chuyện với B, giả xưng danh là Công an, hăm dọa anh B có liên quan trong vụ án rửa tiền. Do lo sợ bị bắt, anh B đã thực hiện theo yêu cầu của đối tượng đăng nhập vào đường link do đối tượng lập ra giả mạo Cổng thông tin điện tử Bộ Công an, anh B tin tưởng là của Bộ Công an thật nên đã đăng nhập thông tin cá nhân, số tài khoản ngân hàng và mật khẩu vào. Sau đó vài giờ anh B, nghi ngờ mình bị lừa đảo, kiểm tra tài khoản thì phát hiện tiền trong tài khoản của mình đã chuyển tiền sang tài khoản khác 03 lần với tổng số tiền 299.000.000 đồng.

- Ngày 15/11/2021, đối tượng sử dụng số điện thoại 008700236113 (đầu số 008 là đầu số ảo) gọi vào điện thoại của ông Trần N. T, nơi cư trú: phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, hỏi thông tin tên họ địa chỉ cá nhân, sau đó thông báo cho ông T biết là đang có kiện hàng liên quan đến ông, rồi đối tượng liên kết với người khác xưng là Công an, Viện Kiểm sát nói chuyện đe dọa ông T đang có lệnh bắt vì liên quan đến vụ án rửa tiền, ma túy, yêu cầu ông T phải nộp tiền vào tài khoản do bọn chúng cung cấp để làm tin đảm bảo, trong 01 tuần lễ nếu xác minh ông T không liên quan đến vụ án thì bọn chúng trả lại tiền. Do lo sợ bị bắt, ông T đã thực hiện theo yêu cầu của đối tượng, đến Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Long Xuyên, chuyển tổng số tiền 737.200.000 đồng vào số tài khoản do đối tượng cung cấp. Đến ngày 17/11/2021, đối tượng tiếp tục yêu cầu ông T chuyển tiền, ông T nghi ngờ mình đã bị lừa đảo nên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang trình báo.

2. Đối tượng sử dụng mạng xã hội để kết bạn, thông báo gửi quà, sau đó giả danh nhân viên sân bay, hải quan, thuế yêu cầu nộp tiền để nhận quà rồi chiếm đoạt, hoặc giả vờ mình là doanh nhân nhưng đang vì lý do gì đó tài khoản ngân hàng của đối tượng đang bị tạm thời đóng băng nên nhờ chuyển tiền cho mượn nhiều lần rồi chiếm đoạt trên nhanh chóng được chuyển qua nhiều tài khoản khác nhau, rồi chiếm đoạt.

*** Vụ việc điển hình như:**

Vụ chị Huỳnh T.K.O, cư trú: tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, bị đối tượng lừa đảo chiếm đoạt trên 4 tỷ đồng, xảy ra từ tháng 5/2021 đến tháng 8/2021, tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, bằng thủ đoạn làm quen kết bạn qua mạng xã hội trên phần mềm ứng dụng Skype và WhatsApp, đối tượng giới thiệu là thương nhân người Mỹ, đang làm việc với đối tác tại Afghanistan, không thực hiện được các giao dịch chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng cá nhân của Ngân hàng tại Mỹ, đối tượng đưa ra nhiều thông tin làm cho chị K.O tin tưởng là thật nên đã làm theo yêu cầu của đối tượng, nhiều lần chuyển số tiền trên 4 tỷ đồng vào các tài khoản do đối tượng cung cấp với hy vọng sẽ được trả lại số tiền nhiều hơn nhưng sau khi chị K.O chuyển tiền vào các tài khoản do đối tượng cung cấp, số tiền trên nhanh chóng được chuyển qua nhiều tài khoản khác nhau, rồi chiếm đoạt.

3. Đối tượng sử dụng mạng xã hội quảng bá việc cho vay tiền, khi bị hại liên hệ, đối tượng yêu cầu bị hại phải đóng một khoản phí để làm thủ tục vay, rồi chiếm đoạt.

*** Vụ việc điển hình:**

Vụ anh Nguyễn C.K, tạm trú: phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, vào khoảng giữa tháng 10/2021, có người gọi điện thoại qua phần mềm ứng dụng Zalo của anh làm quen, giới thiệu là nhân viên Công ty tài chính TNHH MTV JACCS Quốc tế Việt Nam, mời quảng bá cho vay tiêu dùng thủ tục đơn giản, lãi suất ưu đãi. Sau đó, đối tượng đã đưa ra nhiều lý do yêu cầu anh K hoàn tất thủ tục, để được nhận chuyển tiền vay phải chuyển tiền cho bọn

chúng nhiều loại phí khác nhau, đến khi anh K đã chuyển 394.700.000 đồng cho bọn chúng mới nghĩ mình bị lừa đảo, đến Cơ quan điều tra tố giác.

4. Đối tượng tạo dựng các website đầu tư tài chính, giới thiệu, mời chào, lôi kéo người dân tham gia đầu tư, kinh doanh các loại tiền ảo, tiền điện tử, các sàn giao dịch ngoại hối trái phép với những hứa hẹn về lợi nhuận, mức hoa hồng hấp dẫn, lợi nhuận cao. Người đầu tư đóng tiền vào hệ thống bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản để quy đổi thành tiền ảo. Đến khi số lượng người tham gia nhất định, các đối tượng sẽ can thiệp vào hệ thống hoặc ngừng hoạt động để chiếm đoạt tiền của người tham gia.

5. Đối tượng sử dụng sim không chính chủ giả danh nhân viên, cán bộ của Trung tâm mua sắm gọi vào các số điện thoại của bị hại để thông báo với bị hại là họ đã may mắn trúng thưởng của một chương trình do đối tượng đặt ra. Phần thưởng đối tượng đưa ra là một tài sản có giá trị cao như: Tivi, tủ lạnh, máy massage... Nếu bị hại tin tưởng thì đối tượng sẽ thông báo về thủ tục nhận thưởng. Sau đó đối tượng yêu cầu phải nộp một số phí để được nhận quà thưởng, rồi chiếm đoạt.

6. Khi phát hiện bị hại rao bán hàng là những đồ vật có giá trị trên mạng xã hội (qua Facebook, Zalo, Viber...), đối tượng liên lạc cho bị hại biết sẽ mua hàng với giá bị hại bán và trả tiền bằng cách chuyển khoản qua ngân hàng, yêu cầu bị hại cung cấp số tài khoản ngân hàng để chuyển tiền cho bị hại. Sau đó đối tượng tạo một trang web yêu cầu bị hại nhập các thông tin trên trang web này, nhằm lấy được thông tin cá nhân và số điện thoại của bị hại đã đăng ký với ngân hàng. Chúng sử dụng những thông tin đó để xâm nhập vào tài khoản của người bị hại rồi yêu cầu bị hại gửi mã xác nhận đã đăng ký với ngân hàng cho đối tượng với lý do có mã xác nhận này chúng mới thực hiện được việc chuyển tiền cho bị hại. Tưởng thật, bị hại gửi mã xác nhận của mình cho chúng thì bị chúng xâm nhập vào tài khoản (bằng Internet Banking) để rút hết số tiền của bị hại có trong tài khoản nhằm chiếm đoạt.

7. Đối tượng thu mua tài khoản mạng xã hội, lập tài khoản mạng xã hội (Facebook, Zalo, Viber...) giống hoặc chiếm quyền quản trị (hack) tài khoản của bị hại, nhắn tin, lừa người thân, bạn bè của chủ tài khoản mượn tiền, chuyển tiền cho các đối tượng rồi chiếm đoạt.

Qua các phương thức, thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức sử dụng công nghệ cao và các vụ việc điển hình nêu trên khuyến cáo người dân, cán bộ, công chức, viên chức tuyệt đối không cung cấp thông tin cá nhân, tài khoản hoặc nợ tiền, phí theo yêu cầu, không truy cập, cài đặt phần mềm từ website không chính thống; không tham gia vay tiền trên mạng từ các app không chính thống; không tham gia đầu tư vào các sàn giao dịch ngoại hối trái phép.

Phần II
MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG HOẠT ĐỘNG “TÍN DỤNG ĐEN”

I. HỎI - ĐÁP PHÁP LUẬT

Câu hỏi 1. Theo quy định của pháp luật thì quyền dân sự được xác lập như thế nào?

Đáp :

Theo Điều 8 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

Quyền dân sự được xác lập từ các căn cứ sau đây:

1. Hợp đồng.
2. Hành vi pháp lý đơn phương.
3. Quyết định của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của luật.
4. Kết quả của lao động, sản xuất, kinh doanh; kết quả của hoạt động sáng tạo ra đối tượng quyền sở hữu trí tuệ.
5. Chiếm hữu tài sản.
6. Sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.
7. Bị thiệt hại do hành vi trái pháp luật.
8. Thực hiện công việc không có ủy quyền.
9. Căn cứ khác do pháp luật quy định.

Câu hỏi 2. Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân là gì? Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có và chấm dứt khi nào? Năng lực hành vi dân sự của cá nhân là gì?

Đáp:

Theo khoản 1, 3 Điều 16 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân có quyền dân sự và nghĩa vụ dân sự.

Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có từ khi người đó sinh ra và chấm dứt khi người đó chết.

Ngoài ra, theo điều 19 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

Năng lực hành vi dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự.

Câu hỏi 3. Giao dịch dân sự là gì? Giao dịch dân sự có hiệu lực cần điều kiện gì? Hình thức của giao dịch dân sự là gì?

Đáp:

Theo Điều 116 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định: *Giao dịch dân sự* là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.

Căn cứ theo khoản 1,2 Điều 117 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

1. Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;

b) Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;

c) Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

2. Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định.

Câu hỏi 4. Giao dịch dân sự được thể hiện qua hình thức nào? Trường hợp nào phải được thể hiện bằng văn bản?

Đáp:

Theo khoản 1,2 Điều 119 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

1. Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể.

Giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là giao dịch bằng văn bản.

2. Trường hợp luật quy định giao dịch dân sự phải được thể hiện bằng văn bản có công chứng, chứng thực, đăng ký thì phải tuân theo quy định đó.

Câu hỏi 5. Bộ Luật Dân sự 2015 quy định như thế nào là giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo?

Đáp :

Theo Điều 124 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

1. Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu, còn giao dịch dân

sự bị che giấu vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp giao dịch đó cũng vô hiệu theo quy định của Bộ luật này hoặc luật khác có liên quan.

2. Trường hợp xác lập giao dịch dân sự giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba thì giao dịch dân sự đó vô hiệu.

Câu hỏi 6. Người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện thì có vô hiệu hay không? Trong trường hợp nào thì giao dịch dân sự không vô hiệu?

Đáp:

Theo khoản 1,2 Điều 125 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

1. Khi giao dịch dân sự do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện thì theo yêu cầu của người đại diện của người đó, Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu nếu theo quy định của pháp luật giao dịch này phải do người đại diện của họ xác lập, thực hiện hoặc đồng ý, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Giao dịch dân sự của người quy định tại khoản 1 Điều này không bị vô hiệu trong trường hợp sau đây:

a) Giao dịch dân sự của người chưa đủ sáu tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu hàng ngày của người đó;

b) Giao dịch dân sự chỉ làm phát sinh quyền hoặc chỉ miễn trừ nghĩa vụ cho người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự với người đã xác lập, thực hiện giao dịch với họ;

c) Giao dịch dân sự được người xác lập giao dịch thừa nhận hiệu lực sau khi đã thành niên hoặc sau khi khôi phục năng lực hành vi dân sự.

Câu hỏi 7. Theo quy định của pháp luật thì như thế nào là hợp đồng vay tài sản?

Đáp :

Theo điều 463 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Câu hỏi 8. Bên vay tài sản là gì? Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như thế nào?

Đáp :

Theo khoản 1, 5 Điều 466 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Câu hỏi 9. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận như thế nào? Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định như thế nào?

Đáp :

Theo khoản 1,2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Câu hỏi 10. Theo quy định của pháp luật thì hợp đồng vay không kỳ hạn được thực hiện như thế nào? Và hợp đồng vay có kỳ hạn được thực hiện như thế nào?

Đáp :

- Theo Điều 469 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng cũng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý.”

- Theo Điều 470 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định:

“Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý, còn bên cho vay chỉ được đòi lại tài sản trước kỳ hạn, nếu được bên vay đồng ý.

Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản trước kỳ hạn, nhưng phải trả toàn bộ lãi theo kỳ hạn, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.”

Câu hỏi 11. Theo Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định như thế nào?

Đáp:

Căn cứ theo Điều 174 Bộ Luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định như sau:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;
- c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;
- d) Tái phạm nguy hiểm;
- đ) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
- e) Dùng thủ đoạn xảo quyệt;
- g) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;
- b) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này;
- c) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

- a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;
- b) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này;
- c) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Câu hỏi 12. Theo Bộ Luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự được quy định như thế nào?

Đáp:

Căn cứ theo Điều 201 Bộ Luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự được quy định như sau:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

II. TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT

Tình huống 1. Nam là sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, Nam muốn kiếm việc làm thêm để đỡ gánh nặng cho gia đình. Vài người bạn môi giới cho Nam nhận phát tờ rơi quảng cáo hình thức cho vay nhanh chóng “chỉ cần CMND và hóa đơn tiền điện”. Công việc của Nam là vào khung giờ từ 4 đến 5 giờ sáng hàng ngày rải tờ rơi theo các tuyến đường và dán tờ rơi vào các cột điện trên đường. Vậy, hành vi của Nam có vi phạm pháp luật không và sẽ bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 4, khoản 16 Điều 8 Luật Quảng cáo năm 2012 quy định các hành vi cấm trong hoạt động quảng cáo như sau:

“4. Quảng cáo làm ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị, trật tự, an toàn giao thông, an toàn xã hội.

16. Treo, đặt, dán, vẽ các sản phẩm quảng cáo trên cột điện, trụ điện, cột tín hiệu giao thông và cây xanh nơi công cộng.”

Với hành vi của Nam là hàng ngày rải tờ rơi quảng cáo trên các tuyến đường và dán tờ rơi quảng cáo trên các cột điện trên đường là vi phạm quy định pháp luật về quảng cáo. Hơn nữa, Nam rải tờ rơi và dán tờ rơi trên các cột điện, có nội dung quảng cáo hình thức cho vay nhanh chóng “**chỉ cần CMND và hóa đơn tiền điện**” vô tình tiếp tay cho nhóm người cho vay “nặng lãi” làm cho nhiều người “sập bẫy tín dụng đen”.

Căn cứ khoản 1 Điều 43 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo quy định “1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi phát tờ rơi quảng cáo làm ảnh hưởng đến mỹ quan, trật tự an toàn giao thông, xã hội”.

Căn cứ khoản 1 Điều 34 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo quy định “1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi treo, đặt, dán, vẽ các sản phẩm quảng cáo trên cột điện, trụ điện, cột tín hiệu giao thông và cây xanh nơi công cộng...”;

Do đó, đối với hành vi rải tờ rơi quảng cáo của Nam có thể bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1 triệu đến 2 triệu đồng; Hành vi dán tờ rơi quảng cáo trên cột điện sẽ bị phạt tiền từ 1 triệu đến 2 triệu đồng.

Tình huống 2. Anh Công (28 tuổi) là công nhân tại Khu công nghiệp tại huyện C. Vì tình hình dịch bệnh, nơi làm việc của anh Công cho nhân viên tạm nghỉ để phòng, chống dịch. Do cần tiền gấp, anh Công quyết định vay tiền để trang trải. Qua mạng xã hội Facebook, anh Công biết được một ứng dụng (app) cho vay tiền “không cần tài sản thế chấp, thủ tục nhanh chóng đơn giản”. Sau khi tải ứng dụng trên về điện thoại và điền đầy đủ thông tin, anh Công vay 15.000.000 đồng trong vòng 3 tháng với lãi suất 2,5%/ngày. Do không trả lãi đúng hạn, một số đối tượng nhận là nhân viên của ứng dụng trên gọi điện thoại cho người thân, bạn bè... của anh Công để chửi bới, đòi nợ. Anh Công phải thế chấp đất để trả hết nợ cả vốn lẫn lãi gần 50 triệu đồng. Hành vi cho vay qua ứng dụng với lãi suất như trên có vi phạm pháp luật không?

Trả lời:

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Trong trường hợp này, lãi suất mà anh Công phải trả khi vay tiền qua app là 2,5%/ngày, tương đương 75%/tháng (vượt mức lãi suất tối đa là 1,67%/tháng). Việc cho vay vượt quá lãi suất giới hạn là vi phạm pháp luật.

Hành vi trên sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cụ thể:

- Người phạm tội cho vay lãi nặng có thể bị xử lý hình sự nếu thực hiện hành vi cho vay với lãi suất từ 100%/năm trở lên và thu lợi bất chính từ 30 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 200 triệu đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

- Phạt tiền từ 200 triệu - 1 tỉ đồng hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm nếu phạm tội mà thu lợi bất chính 100 triệu đồng trở lên.

Trong trường hợp này, số tiền thu lợi bất chính là trên 32 triệu đồng. Đối chiếu với quy định của pháp luật, người phạm tội cho vay lãi nặng có thể bị phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 200 triệu đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 30 - 100 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1- 5 năm.

Tình huống 3. Liên tục nhiều ngày, chị Pha thường xuyên nhận được các cuộc gọi, tin nhắn từ số điện thoại khác nhau yêu cầu phải có trách nhiệm với khoản vay của anh Trình (một người bạn cũ của chị). Hơn thế nữa, với lý do chị Pha không tác động để anh Trình trả nợ, bên đòi nợ còn đưa hình ảnh của chị lên mạng xã hội bêu rếu nói xấu gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống và công việc của chị Pha. Hành vi trên có vi phạm pháp luật không? Chị Pha cần làm gì để bảo vệ quyền lợi của mình?

Trả lời:

Theo Điều 32 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì cá nhân có quyền đối với hình ảnh của mình. Việc sử dụng hình ảnh của cá nhân phải được người đó đồng ý trừ một số trường hợp đặc biệt khác mà luật đã quy định.

Hành vi đăng những hình ảnh trái phép gây ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác là hành vi trái pháp luật. Tùy vào từng mức độ, hậu quả xảy ra của hành vi mà có thể phải bị xử lý vi phạm hành chính hoặc phải chịu trách nhiệm hình sự.

*** Về xử lý vi phạm hành chính**

Hành vi lợi dụng mạng xã hội để cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân sẽ bị phạt tiền từ 5 triệu đến 10 triệu đồng đối với cá nhân và từ 10 triệu đến 20 triệu đồng đối với tổ chức theo điểm a khoản 1 Điều 101 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử.

*** Về truy cứu trách nhiệm hình sự**

Người thực hiện hành vi bịa đặt hoặc loan truyền những điều biết rõ là sai sự thật nhằm xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác có dấu hiệu của tội vu khống. Theo đó, khung hình phạt nhẹ nhất thì bị phạt tiền từ 10 triệu đến 50 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến một năm theo điểm a khoản 1 Điều 156 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong trường hợp này, chị Pha cần thu thập căn cứ chứng minh hành vi trên và có thể gửi đơn đến cơ quan công an hoặc gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tình huống 4. Đầu năm, ông Bình có vay ngân hàng 50 triệu đồng để xây một ao nuôi cá sau nhà. Ba tháng sau, ông mất do đột quỵ và không để lại di chúc. Anh Trọng là con trai và là người thừa kế theo pháp luật duy

nhất của ông Bình. Nay ngân hàng đòi nợ, anh Trọng có trách nhiệm trả nợ khoản tiền vay của cha không (trong hợp đồng vay không ghi về nghĩa vụ của người thừa kế)?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn nên ông Bình có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Bộ luật Dân sự năm 2015 có quy định về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại như sau:

“Điều 611. Thời điểm, địa điểm mở thừa kế

1. Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết.

...

Điều 614. Thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ của người thừa kế

Kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Điều 615. Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại

1. Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại.

3. Trường hợp di sản đã được chia thì mỗi người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại tương ứng nhưng không vượt quá phần tài sản mà mình đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

...”

Đối chiếu các quy định trên, mặc dù trong hợp đồng vay không ghi về nghĩa vụ của người thừa kế, nhưng anh Trọng là người được hưởng thừa kế di sản do ông Bình để lại vẫn có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng tương ứng nhưng không vượt quá phần tài sản mà anh Trọng được nhận.

Tình huống 5. Chị Lan và anh Khiêm đã làm đám cưới được 6 tháng nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình sống với nhau, anh Khiêm có vay nặng lãi 50 triệu và bỏ trốn. Do không tìm được anh Khiêm nên chủ nợ đã đến nhà và lấy chiếc xe máy của chị Lan. Trong trường hợp này, chị Lan có phải trả số tiền mà anh Khiêm đã vay nặng lãi không? Chị Lan có thể lấy lại tài sản của mình hay không?

Trả lời:

Chung sống như vợ chồng là việc nam, nữ tổ chức cuộc sống chung và coi nhau là vợ chồng (Khoản 7 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014).

Bên cạnh đó, Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*.

Đối chiếu với các quy định trên, đối với trường hợp này, do chị Lan và anh Khiêm chung sống với nhau như vợ chồng mà không tiến hành đăng kí kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vì vậy, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng (theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014).

Do đó, chị Lan không có nghĩa vụ đối với khoản tiền vay 50 triệu đồng phát sinh giữa anh Khiêm với bên thứ ba, đồng thời, chị Lan hoàn toàn có thể đòi lại chiếc xe máy của mình.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	
CHUYÊN ĐỀ 1. PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN GIAO THÔNG	1
I. HỎI - ĐÁP PHÁP LUẬT	1
II. TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT	10
CHUYÊN ĐỀ 2. PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG TÁC HẠI CỦA RƯỢU, BIA	25
I. HỎI - ĐÁP PHÁP LUẬT	25
II. TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT	31
CHUYÊN ĐỀ 3. PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG HOẠT ĐỘNG “TÍN DỤNG ĐEN”	40
Phần I. TUYÊN TRUYỀN PHỔ BIẾN VỀ MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC, THỬ ĐOẠN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN BẰNG HÌNH THỨC SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ CAO VÀ NÊU MỘT SỐ VỤ ĐIỂN HÌNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG	40
Phần II. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG HOẠT ĐỘNG “TÍN DỤNG ĐEN”	44
I. HỎI - ĐÁP PHÁP LUẬT	44
II. TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT	50